



An Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2024

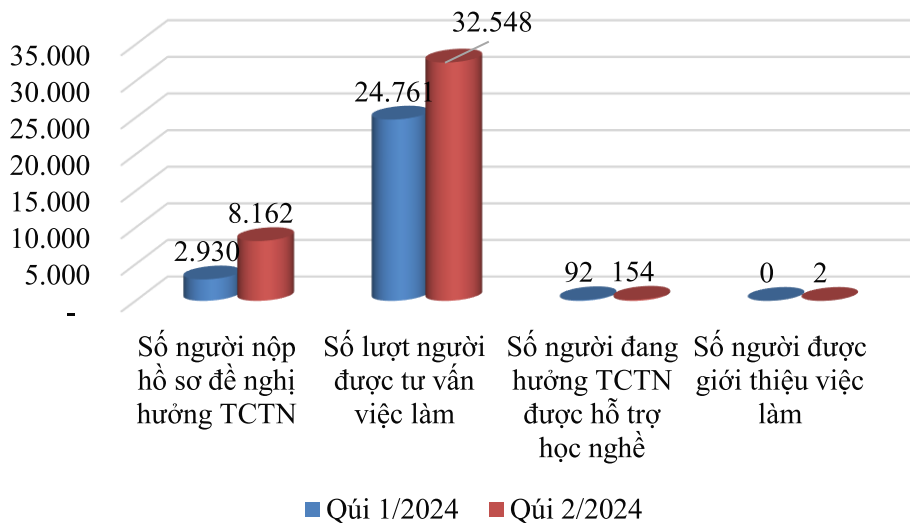
PHẦN I. THÔNG TIN VỀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

1. Số người hưởng trợ cấp thất nghiệp

Trong Quý II/2024, trên địa bàn tỉnh An Giang số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) là 8.162 người tăng 178,57% so với quý I/2024 (2.930 người), và giảm 3% so với cùng kỳ năm 2023 (8.382 người). Số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 7.868 người tăng 170,29% so với quý I/2024 (2.911 người) và giảm 10% so với cùng kỳ năm 2023 (8.694 người).

Biểu đồ 01: Một số chỉ tiêu thực hiện BHTN, Quý II/2024

Đơn vị tính: người



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

2. Trình độ chuyên môn

Trình độ chuyên môn của người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN trong Quý II/2024 như sau:

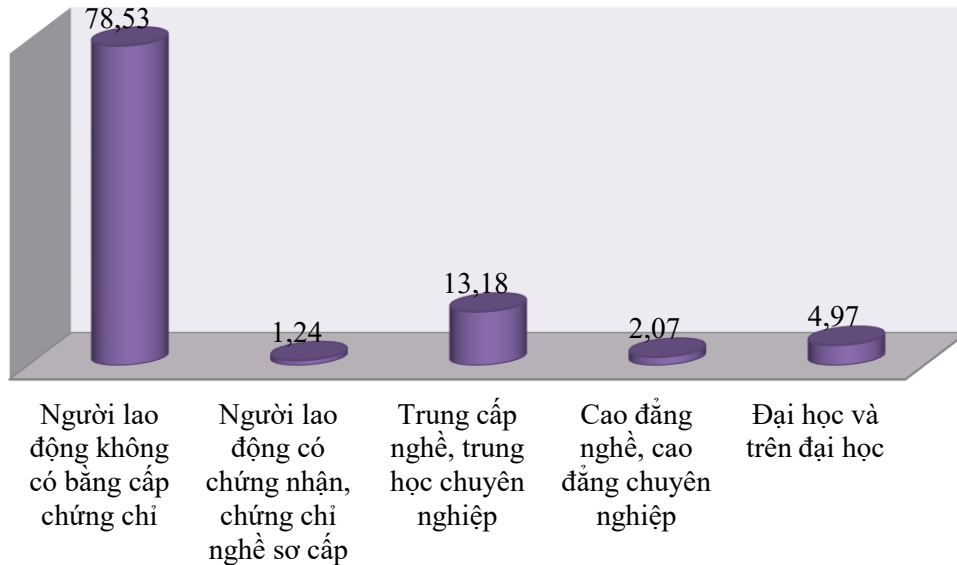
Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ là 6.410 người chiếm 78,53%; người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề là 101 người chiếm 1,24%; Người lao động có trình độ Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp là 1.076 người chiếm 13,18%; Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp là 169 người chiếm 2,07%; Người

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

lao động có trình độ Đại học và trên đại học là 406 người, chiếm 4,97% số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Biểu đồ 02: Trình độ chuyên môn của người lao động Quý II/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

3. Ngành nghề người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp

Đối với các ngành có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành có số lượng người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp nhiều nhất chiếm 79,29% số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; Hoạt động dịch vụ khác chiếm 13,82%; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2%; Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 0,76%; Xây dựng chiếm 0,71%; Giáo dục và đào tạo chiếm 0,54%; Khai khoáng chiếm 0,49%; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm 0,48%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 0,39%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; Vận tải, kho bãi; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Thông tin và truyền thông... là những ngành có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp chiếm tỷ trọng thấp nhất từ (0,01% – 0,36%).

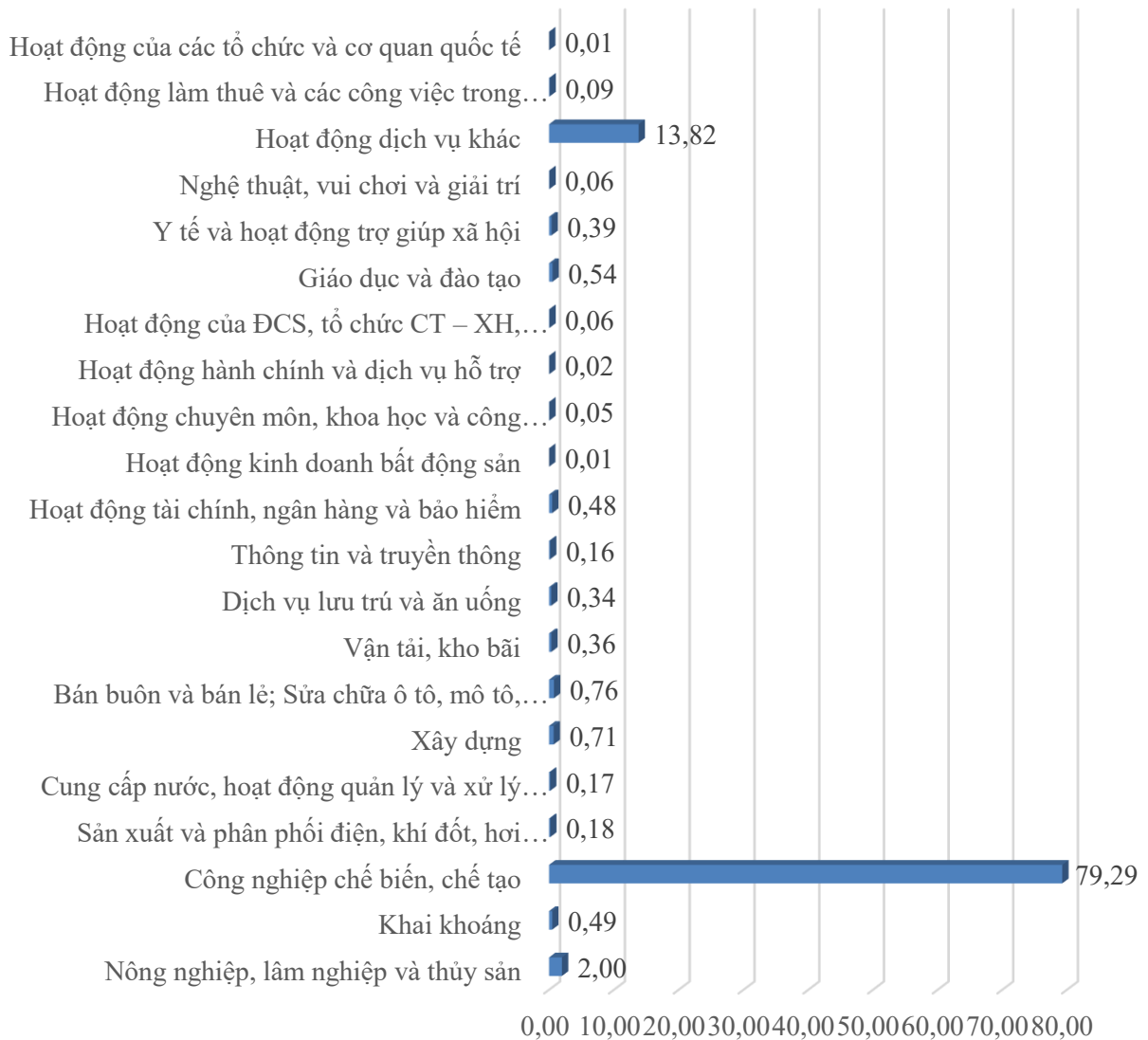
Nghề nghiệp của người lao động nộp hồ sơ hưởng TCTN tập trung chủ yếu ở một số nghề như: Thợ may, thuê và các thợ có liên quan khác chiếm 44,16%; Nghề nghiệp khác chiếm 44,07% số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; Nhân viên bán hàng chiếm 3,33%; Lái xe khách, xe tải, xe máy chiếm 0,64%; Kỹ thuật xây dựng chiếm 0,51%; Tư vấn tài chính, đầu tư chiếm 0,39%; Thợ hàn chiếm 0,37%; Kế toán và Phân tích phát triển phần mềm và các ứng dụng cùng chiếm 0,36%; Giáo viên dạy nghề; Kỹ thuật viên điện tử; Luật sư; Bác sỹ y khoa;

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

Lao động trồng trọt và làm vườn; Đầu bếp; Hướng dẫn viên du lịch; Người đưa tin, người giao hàng;... là những nghề có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp thấp nhất chiếm từ (0,01% – 0,31%).

Biểu đồ 03: Cơ cấu người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo ngành nghề

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

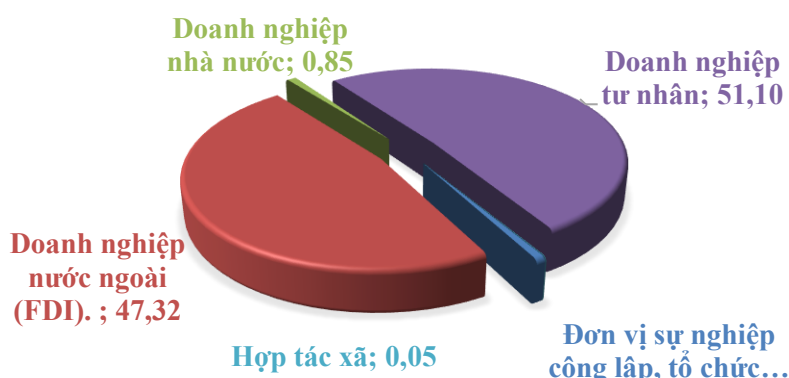
4. Loại hình tổ chức, doanh nghiệp

Loại hình tổ chức, doanh nghiệp có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp chiếm tỷ trọng nhiều nhất là Doanh nghiệp tư nhân 4.171 người chiếm 51,10%; Doanh nghiệp nước ngoài (FDI) 3.862 người chiếm 47,32%; Doanh nghiệp nhà nước 69 người chiếm 0,85%; Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội 56 người chiếm 0,69%; Hợp tác xã 04 người chiếm 0,05%.

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

Biểu đồ 04: Lao động làm việc trong loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: %



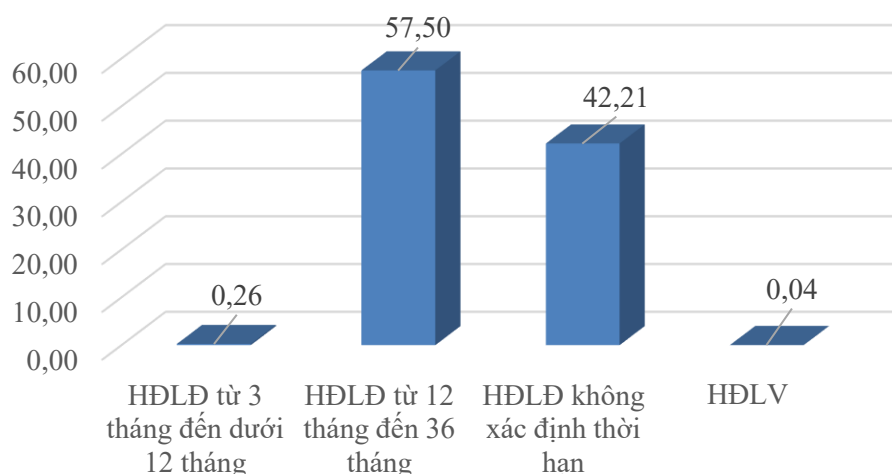
Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

5. Hợp đồng lao động của người lao động

Trong tổng số lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, phần lớn là những người có hợp đồng từ 12 đến 36 tháng 4.693 người chiếm 57,50%; Hợp đồng không xác định thời hạn 3.445 người chiếm 42,21%; Hợp đồng HĐLĐ từ 3 tháng đến dưới 12 tháng 21 người chiếm tỷ trọng 0,26%; HĐLV 3 người chiếm 0,04%.

Biểu đồ 05: Biểu đồ HĐLĐ của người lao động thất nghiệp Quý II/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

6. Nguyên nhân thất nghiệp

Theo số liệu thống kê từ phần mềm quản lý dữ liệu Bảo hiểm thất nghiệp, nguyên nhân thất nghiệp của người lao động chiếm tỷ trọng nhiều nhất là Mất việc làm do nguyên nhân khác 4.075 người chiếm 49,93%; tiếp đến là Chấm dứt HĐLĐ/HĐLV trước hạn 4.040 người chiếm 49,50%; Hết hạn HĐLĐ/HĐLV 18 người chiếm 0,22%; Do đơn phương chấm dứt HĐLĐ/HĐLV trái pháp luật và Người

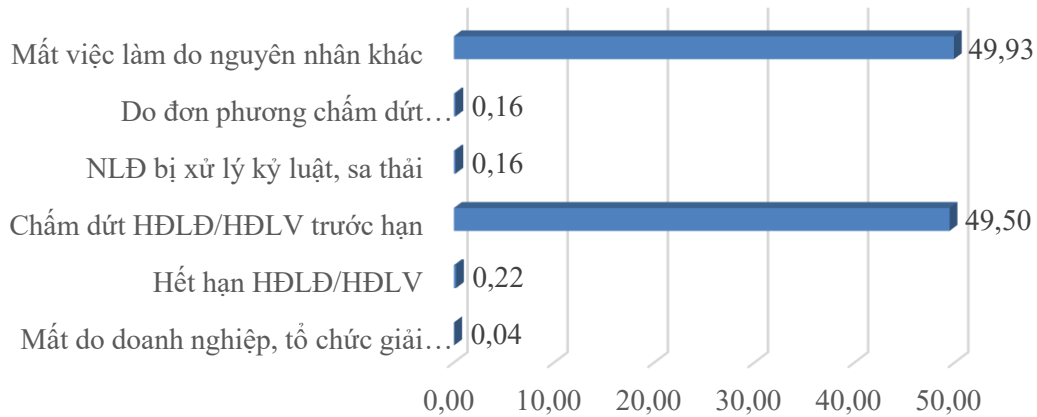
BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

lao động bị xử lý kỷ luật, sa thải 13 người cùng chiếm 0,16%; Mất việc làm do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản 03 người chiếm tỷ trọng thấp nhất 0,04%;

Biểu đồ 06: Nguyên nhân thất nghiệp của người lao động, Quý II/2024

Đơn vị tính: %

Nguyên nhân thất nghiệp của người lao động



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

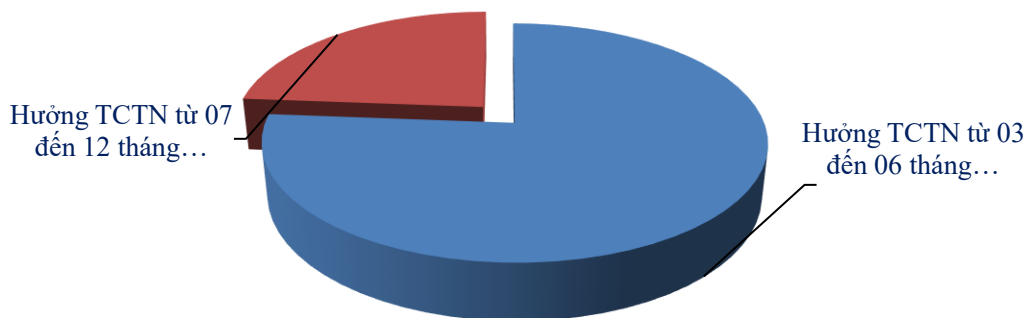
7. Thời gian và mức hưởng trợ cấp thất nghiệp

Theo số liệu thống kê từ phần mềm BHTN, thời gian hưởng TCTN quý II/2024 thì thời gian hưởng TCTN chiếm tỷ trọng cao nhất là hưởng TCTN từ 03 – 06 tháng với 5.985 quyết định chiếm 76,07% và hưởng TCTN từ 07 – 12 tháng với 1.883 quyết định chiếm 23,93%.

Mức hưởng TCTN bình quân trong quý II/2024 là 3.510.000 đồng. Tổng số tiền hưởng Bảo hiểm thất nghiệp trong quý II/2024 là 139.720.950.000 đồng, trong đó chi trả TCTN là 138.676.200.000 đồng, chi hỗ trợ học nghề là 1.044.750.000 đồng.

Biểu đồ 07: Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động Quý II/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

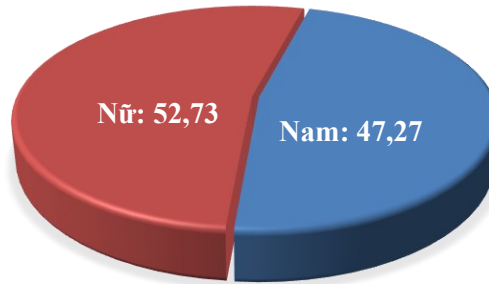
BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

8. Giới tính và độ tuổi của người hưởng trợ cấp thất nghiệp

Tỷ trọng lao động có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với nữ giới là 4.149 người chiếm 52,73% và nam giới thấp hơn là 3.719 người chiếm 47,27%.

Biểu đồ 08: Giới tính của người lao động thất nghiệp, Quý II/2024

Đơn vị tính: %

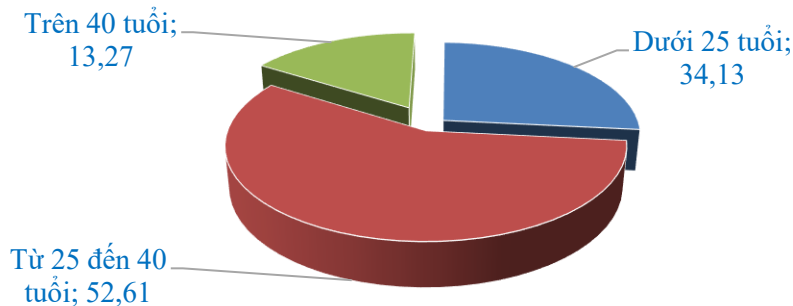


Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

Tỷ trọng lao động có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp dưới 25 tuổi là 2.685 người chiếm 34,13%; Từ 25 đến 40 tuổi là 4.139 người chiếm 52,61%; Trên 40 tuổi là 1.044 người chiếm 13,27%.

Biểu đồ 09: Độ tuổi của người lao động thất nghiệp Quý II/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

9. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ học nghề

Tổng số người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp đều được tư vấn các thủ tục, chính sách về Bảo hiểm thất nghiệp, việc làm và học nghề. Số lượt người được tư vấn trong Quý II/2024 là 32.548 lượt người, số người được hỗ trợ học nghề là 154 người.

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

10. Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp chia theo đơn vị hành chính

Bảng 01: Số lượng quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp phân theo huyện, thị, thành phố trong tỉnh An Giang

Stt	Đơn vị	Số người	Tỷ lệ (%)
01	Huyện An Phú	550	6.99
02	Thành phố Châu Đốc	232	2.95
03	Huyện Chợ Mới	1,157	14.71
04	Huyện Châu Phú	770	9.79
05	Huyện Châu Thành	830	10.55
06	Thành phố Long Xuyên	1,521	19.33
07	Huyện Phú Tân	512	6.51
08	Huyện Tịnh Biên	442	5.62
09	Thị xã Tân Châu	592	7.52
10	Huyện Thoại Sơn	748	9.51
11	Huyện Tri Tôn	514	6.53
	Tổng cộng	7868	100%

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quý II/2024

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM TRONG NƯỚC

1. Khảo sát thu thập trực tiếp tại Trung tâm và Website

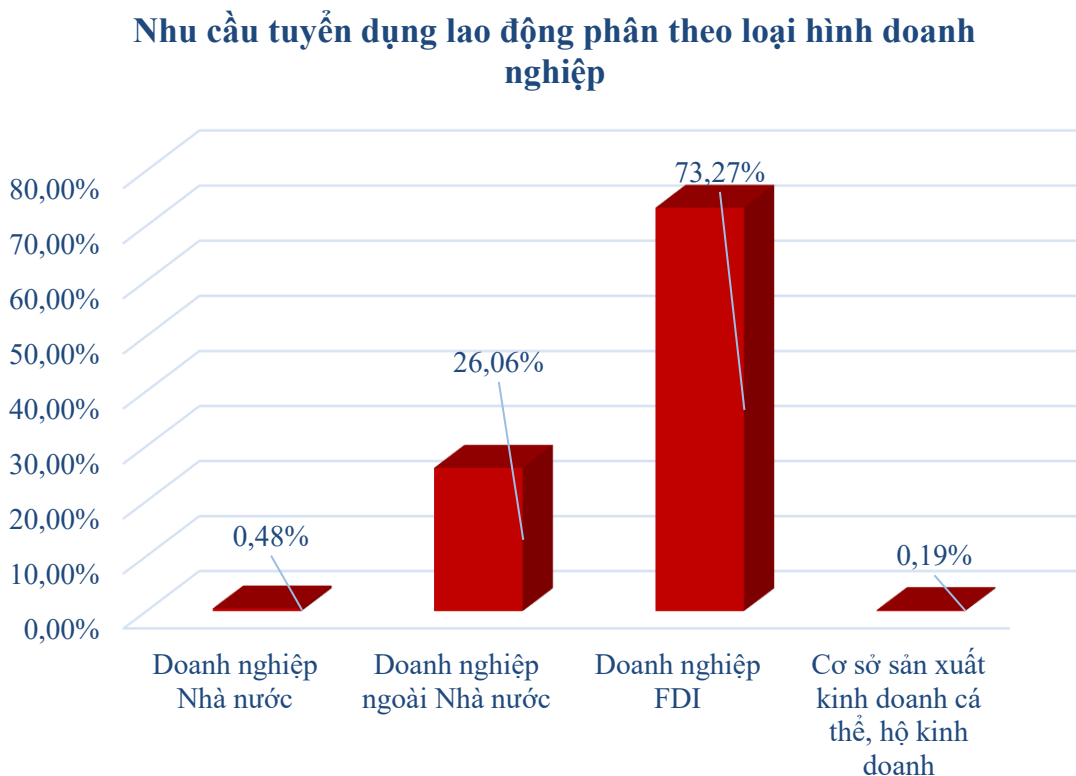
Trong Quý II/2024, qua số liệu thu thập trực tiếp tại Trung tâm và trên website có 216 doanh nghiệp tăng 32,52% so với Quý I/2024, với nhu cầu tuyển dụng 4.164 vị trí việc làm trống.

a) Nhu cầu tuyển dụng phân theo loại hình doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động trong Quý II/2024 như sau: Doanh nghiệp nhà nước có nhu cầu tuyển dụng 20 người (chiếm tỷ lệ 0,48%); Doanh nghiệp ngoài nhà nước có nhu cầu tuyển dụng 1.085 người (chiếm tỷ lệ 26,06%); Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu tuyển dụng 3.051 người (chiếm tỷ lệ 73,27%); Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh có nhu cầu tuyển dụng 08 người (chiếm tỷ lệ 0,19%).

Biểu đồ 10: Nhu cầu tuyển dụng lao động phân theo loại hình doanh nghiệp trong Quý II/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Số liệu khảo sát, thu thập tại Trung tâm và trên website, Quý II/2024

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

b) Nhu cầu tuyển dụng phân theo nhóm nghề (vị trí việc làm)

Bảng 02: Một số nghề có nhu cầu tuyển dụng cao nhất trong Quý II/2024

Đơn vị tính: Người

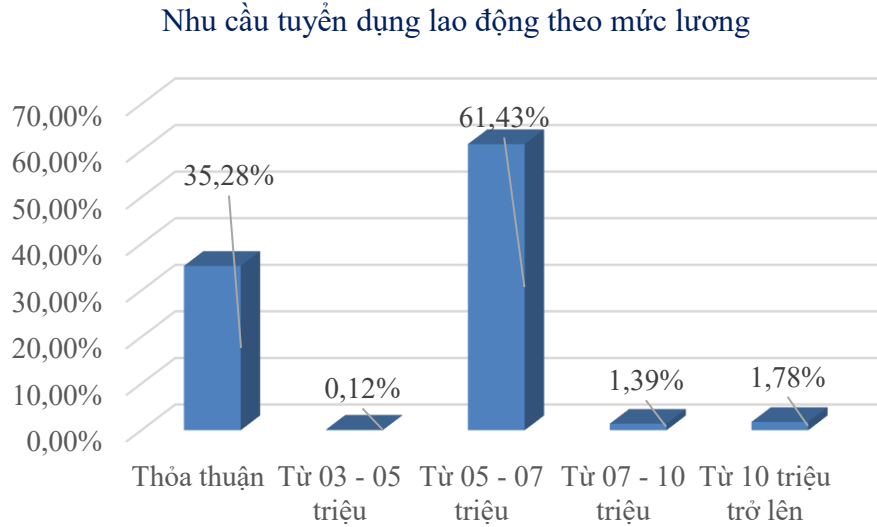
Stt	Nhóm nghề	Số lượng tuyển	Tỉ lệ (%)
1	Bán hàng và tiếp thị	292	7.01%
2	Điện tử, viễn thông	2	0.05%
3	Điện	4	0.10%
4	Công nghệ thông tin	3	0.07%
5	Ngôn ngữ, phiên dịch	38	0.91%
6	Quản lý	37	0.89%
7	Nhân sự	2	0.05%
8	Hành chính văn phòng	6	0.14%
9	Kế toán, kiểm toán	34	0.82%
10	May mặc	113	2.71%
11	Cơ khí, tự động hóa	24	0.58%
12	Xuất nhập khẩu	0	0.00%
13	Kiến trúc, kỹ thuật công trình	11	0.26%
14	Thực phẩm, đồ uống	10	0.24%
15	Y tế	6	0.14%
16	Lao động phổ thông	3438	82.56%
17	Bảo vệ, vệ sĩ	3	0.07%
18	Các ngành nghề khác	141	3.39%
	Tổng cộng	4.164	100%

Nguồn: Số liệu khảo sát, thu thập tại Trung tâm và trên website, Quý II/2024

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

c) Nhu cầu tuyển dụng theo mức lương và kinh nghiệm làm việc

Đơn vị tính: %



Biểu đồ 11: Nhu cầu tuyển dụng theo mức lương Quý II/2024

Kết quả khảo sát, nhu cầu tuyển dụng ứng với mức lương cụ thể sau:

- Mức lương từ 3 - 5 triệu đồng (chiếm 0,12%) ở các vị trí việc làm như: Nhân viên bán hàng, giúp việc nhà, thợ cắt may...

- Mức lương từ 5 - 7 triệu đồng (chiếm 61,43%) ở các vị trí như: Nhân viên bán hàng, nhân viên kỹ thuật, trình dược viên, nhân viên thị trường, tài xế lái xe, bảo vệ, quản đốc, công nhân sản xuất, ...

- Mức lương từ 7 - 10 triệu đồng (chiếm 1,39%) tập trung tuyển dụng ở các vị trí việc làm như: Kế toán viên, quản lý, Nhân viên bán hàng, nhân viên kỹ thuật, công nhân vận hành máy, công nhân lắp ráp, cơ điện, nhân viên thu cước, công nhân sản xuất, ...

- Mức lương trên 10 triệu đồng (chiếm 1,78%) tập trung tuyển dụng ở vị trí việc làm như: Giám đốc sản xuất, giáo viên tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, nhân viên kinh doanh, ...

Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng có nhu cầu tuyển dụng các vị trí công việc với mức lương thỏa thuận như: Kế toán, quản đốc, nhân viên tư vấn, nhân viên kinh doanh, giáo viên công nghệ thông tin, giám sát, nhân viên marketing, kỹ sư cơ khí, kỹ sư điện tử tự động hóa, kế toán viên, kỹ sư xây dựng, giáo viên tiếng Anh, trưởng phòng kinh doanh, nhân viên hành chính tổng hợp, cửa hàng trưởng, thủ kho, công nhân sản xuất, nhân viên y tế, nhân viên IT, tài xế lái xe, thợ in, ... chiếm 35,28%.

- Về yêu cầu kinh nghiệm làm việc: Nhu cầu tuyển dụng đã có kinh nghiệm chiếm 9,29% tổng nhu cầu tuyển dụng. Trong đó chủ yếu là từ 01 đến dưới 03 năm kinh nghiệm ở các vị trí như: Giáo viên tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng

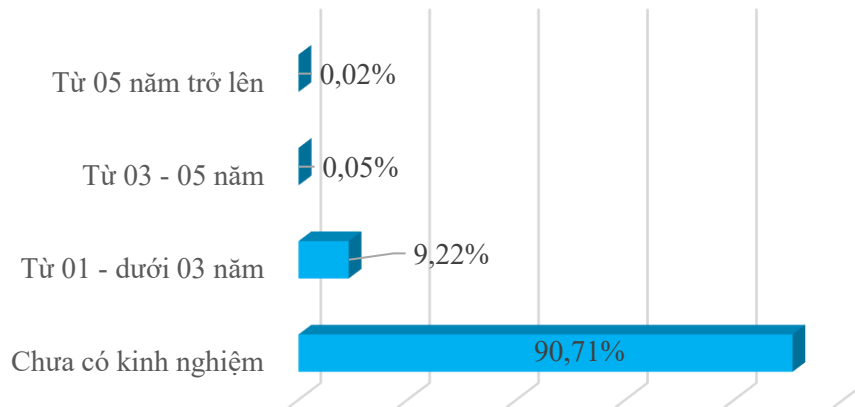
BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

Hàn, giáo viên công nghệ thông tin, trưởng phó phòng kinh doanh, kế toán tổng hợp, cửa hàng trưởng, kế toán viên, nhân viên hành chính, kỹ sư cơ khí, kỹ sư xây dựng, quản đốc, nhân viên kinh doanh, bán hàng,...

- Nhu cầu tuyển dụng không yêu cầu kinh nghiệm làm việc chiếm 90,71%, ở các vị trí: Nhân viên kế toán, nhân viên bán hàng, nhân viên marketing, nhân viên kỹ thuật, kỹ sư cơ khí, giáo viên tiếng Anh, nhân viên vật lý trị liệu, nhân viên giám sát, nhân viên thu cước,...

Đơn vị tính: %

Nhu cầu tuyển dụng lao động theo kinh nghiệm



Biểu đồ 12: Nhu cầu tuyển dụng theo kinh nghiệm, Quý II/2024

d) Nhu cầu tuyển dụng lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

* **Bảng số 03:** Nhu cầu tuyển dụng lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật trong Quý II/2024:

DVT: Người

Stt	Trình độ chuyên môn		Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng		
		4.164	100%
1	Đại học trở lên	108	2.59%
2	Cao đẳng	160	3.84%
3	Trung cấp	147	3.53%
4	Sơ cấp	5	0.12%
5	LĐ không có TĐ CMKT	3744	89.91%

Nguồn: Số liệu thu thập tại Trung tâm và trên website, Quý II/2024

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp theo trình độ chuyên môn kỹ thuật tuyển dụng ở các vị trí như sau:

- Lao động không có TĐCMKT và sơ cấp chiếm tỷ lệ rất cao (90,03%) tuyển dụng các vị trí sau: Nhân viên kinh doanh bán hàng, nhân viên thị trường, nhân viên tiếp thị, công nhân sản xuất, công nhân may, kỹ thuật cơ khí, giao hàng, nhân viên làm vườn, thợ lắp đặt ống nước, bảo vệ, giúp việc nhà, ...

- Trung cấp - Cao đẳng - Đại học (9,97%) tuyển dụng gồm các vị trí: Kế toán, quản đốc, nhân viên tư vấn, nhân viên kinh doanh, giáo viên công nghệ thông tin, giám sát, nhân viên marketing, kỹ sư cơ khí, kỹ sư điện tử tự động hóa, kế toán viên, kỹ sư xây dựng, giáo viên tiếng Anh, trưởng phòng kinh doanh, nhân viên hành chính tổng hợp, cửa hàng trưởng,...

2. Khảo sát thu thập tại các huyện, thị xã, thành phố

- Trong tháng 06 năm 2024, Trung tâm đã tiến hành khảo sát thu thập về nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại huyện Châu Thành (12 Doanh nghiệp), huyện Châu Phú (20 Doanh nghiệp), thành phố Châu Đốc (22 Doanh nghiệp) và Thành phố Long Xuyên (06 doanh nghiệp tại các phường: Mỹ Bình, Mỹ Long, Mỹ Phước, Bình Đức, ...) với tổng cộng là 60 doanh nghiệp.

Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp với số lượng lao động cần tuyển dụng là 3454 vị trí việc làm trống. Trong đó, Đại học, cao đẳng, trung cấp là 58 lao động, Sơ cấp 07 lao động, Công nhân kỹ thuật không bằng 05 lao động, Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật 3384 lao động.

Các ngành nghề theo nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp như sau: Công nghệ thực phẩm, cơ điện, lắp đặt thiết bị cơ khí, chế biến thủy sản, kế toán, điện lạnh, ngôn ngữ anh, thiết kế đồ họa, xuất nhập khẩu, kinh tế, may công nghiệp, may giày và lao động phổ thông khác...

Bảng 04: Nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp Quý II/2024

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động
1	CHÂU THÀNH	CÔNG TY TNHH FOODANT	02963898998	Số lượng: 03 Nam/nữ: Nhân viên kiểm hàng QC
2		CÔNG TY CP CHÍ CÔNG	02963952774	Số lượng: 09 Nam: 02 công nhân cơ điện, 07 công nhân lắp ráp

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động	
3		CÔNG TY TNHH AN GIANG SAMHO	02963821200 - 0932181260	Số lượng: 2000 Nam/nữ: Công nhân sản xuất	
4		CÔNG TY TNHH MTV THUẬN PHÁT GARMENT	0358756968	Số lượng: 30 Nam/nữ: Công nhân may	
5		CÔNG TY TNHH ORIENTAL GARMENT AN GIANG	0394965831	Số lượng: 01 Nam: Thợ bảo trì máy móc, thiết bị	
6		CÔNG TY TNHH LONG SEAFOOD - CHI NHÁNH AN GIANG	0922208880	Số lượng: 04 Nam/nữ: Quản lý nhân sự thành phẩm	
7		HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP VĨNH BÌNH	0984622366	Số lượng: 01 Nữ: Kế toán	
8		CÔNG TY TNHH UNIVERSAL APPAREL	02963658803	Số lượng: 1000 Nam/nữ: Công nhân may	
1		CHÂU PHÚ	CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG	0375645888	Số lượng: 02 Nam: Kỹ thuật vận hành máy
2			CÔNG TY TNHH KOVIE VINA	0776237101	Số lượng: 01 Nam/Nữ: Phó tổng giám đốc quản lý
3	CHI NHÁNH CÔNG TY CHÂU PHÚ RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG - NHÀ MÁY BÌNH LONG		02963670868	Số lượng: 50 Nam/nữ: Công nhân chế biến nông sản	

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động
4		CÔNG TY TNHH PHƯỚC HỒNG NGỌC	0987989390	Số lượng: 05 Nam/nữ: Tiếp thị phát triển thị trường
5		CÔNG TY TNHH TMDV XNK ME KONG	0974728157	Số lượng: 100 Nam/Nữ: Công nhân may
6		CÔNG TY TNHH VẠN HỸ GLOBAL	02963647181. (102)	Số lượng: 05 Nam/Nữ: 01 trưởng phòng nhân sự, 01 nhân viên XNK, 03 thợ may
1	LONG XUYỀN	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN - CN AN GIANG	0901016718	Số lượng: 05 Nam/Nữ: Nhân viên kinh doanh, bán hàng
2		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOMESEEK	0936663666	Số lượng: 01 Nam/Nữ: Nhân viên DESIGNER
3		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & ĐÀO TẠO ISEE	0939838529	Số lượng: 01 Nam/Nữ: Giáo viên nước ngoài
1	CHÂU ĐỐC	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHÁCH SẠN VICTORIA HÀNG CHÂU	02963865010	Số lượng: 06 Nam/Nữ: Lễ tân, buồng phòng, bếp, nhà hàng
2		CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI LÝ BẢO HIỂM NHÂN THỌ PHÚC TÂM GIA	02963562639	Số lượng: 10 Nam/Nữ: Nhân viên văn phòng và tư vấn sản phẩm
3		CÔNG TY CP MAY VIỆT MỸ	02963565878	Số lượng: 200 Nam/Nữ: Thợ may

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động
4		CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA NHẬT TÂN	02963562357	Số lượng: 20 Nam/Nữ: Nhân viên điều dưỡng, y tá, dược sỹ
	TỔNG			3.454

Nguồn: Khảo sát, thu thập tại các huyện, thị, thành Quý II/2024

PHẦN III. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM NGOÀI NƯỚC

Bảng 05: Danh sách các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển lao động đi làm việc ở nước ngoài trong Quý II/2024

Stt	Công ty, Doanh nghiệp	Số lượng tuyển	Độ tuổi	Trình độ	Lương chính thức
1	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DSCO	500	19 - 30	TN THPT	26-32 triệu/01 tháng
2	"CÔNG TY CP ĐẦU TƯ GIÁO DỤC VIETGROUP	500	18-30	TN THPT	26-32 triệu/01 tháng
3	(VIETGROUP EDU)"	500	18-30	TN THPT	26-32 triệu/01 tháng

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ II/2024

Stt	Công ty, Doanh nghiệp	Số lượng tuyển	Độ tuổi	Trình độ	Lương chính thức
4	CÔNG TY TNHH HASU ASIA	500	18-30	TN THPT	26-32 triệu/01 tháng
5	CÔNG TY CP NHÂN LỰC QUỐC TẾ JACOMEX	500	19-31	TN THPT	20 - 30 triệu/ 01 tháng
6	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SAINDECO(SAINDECO JSC)	500	19-31	TN THPT	20 - 30 triệu/ 01 tháng
	Tổng cộng	3.000			

Nguồn: Số liệu thu thập trên các phiên giao dịch việc làm trực tiếp, Quý II/2024

Bản tin được tổng hợp từ nguồn dữ liệu: tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Trung tâm.

Chịu trách nhiệm xuất bản: TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM AN GIANG

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Thông tin Thị trường lao động

Điện thoại: 02963.831.123

Email: phongtttag@gmail.com

Website: ttvlangiang.gov.vn